TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Lê Thế H**, sinh năm 1976.

Căn cước công dân số: 001076063457 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

Nơi cư trú: Căn hộ 1001 Chung cư Harmony, phường A, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979.

Căn cước công dân số: 049179011251 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/7/2022.

Nơi cư trú: Căn hộ 1001 Chung cư Harmony, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau năm 2003, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Nam nay là xã T, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, nói năng không tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải

nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không có trách nhiệm với nhau. Nay ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H xác định có 02 con chung là Lê Nguyễn Quốc H, sinh ngày: 05/9/2003 và Lê Nguyễn Thương H sinh ngày: 01/02/2005. Cả hai con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00001863 ngày 19/8/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H (Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 06 ngày 27/01/2003, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Quảng Nam nay là xã T, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Cả hai con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Lê Thế H và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 00001863 ngày 19/8/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã T, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết